

Số: 2332/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 16 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục DVC trực tuyến mức độ 4 lĩnh vực tài chính thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Danh mục dịch vụ công tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2020 và Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Kế hoạch số 2714/KH-UBND ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Cung cấp dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 4 của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thành lập Tổ công tác xây dựng và triển khai Kế hoạch cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục DVC trực tuyến mức độ 4 lĩnh vực tài chính thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, nâng cấp các DVC (thủ tục hành chính) được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này lên DVC mức độ 4 hoàn thành trước ngày 01/9/2021.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong quá trình tổ chức thực hiện. Tổ chức vận hành kiểm thử, xác nhận hoàn thành việc xây dựng DVC mức độ 4 thuộc thẩm quyền của đơn vị trước khi chính thức đưa vào sử dụng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Tin học hóa - Bộ TT&TT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực BCĐ CCHC tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, KSTTHC (Thảo).

C:\Users\Admin\OneDrive\Nam 2021\QĐ Danh mục DVC mức 4 (STC).docx

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Phụ lục

**DANH MỤC DVC (TTHC) LĨNH VỰC TÀI CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI CHÍNH TRIỂN KHAI MỨC ĐỘ 4 NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
1	2.002173.000.00.00.H47	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội	Quản lý tài sản công	2	x
2	1.005431.000.00.00.H47	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết	Quản lý tài sản công	2	x
3	1.005430.000.00.00.H47	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê	Quản lý tài sản công	2	x
4	1.005429.000.00.00.H47	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	Quản lý tài sản công	2	x
5	1.006216.000.00.00.H47	Thanh toán chi phí liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Quản lý tài sản công	2	x
6	1.005416.000.00.00.H47	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	Quản lý tài sản công		x
7	1.005417.000.00.00.H47	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Quản lý tài sản công		x

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
8	1.005418.000.00.00.H47	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	Quản lý tài sản công		x
9	1.005420.000.00.00.H47	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	Quản lý tài sản công		x
10	1.005420.000.00.00.H47	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Quản lý tài sản công		x
11	1.005422.000.00.00.H47	Quyết định điều chuyển tài sản công	Quản lý tài sản công		x
12	1.005423.000.00.00.H47	Quyết định bán tài sản công	Quản lý tài sản công		x
13	1.005424.000.00.00.H47	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	Quản lý tài sản công	2	x
14	1.005425.000.00.00.H47	Quyết định hủy bỏ Quyết định bán đấu giá tài sản công	Quản lý tài sản công		x
15	1.005426.000.00.00.H47	Quyết định thanh lý tài sản công	Quản lý tài sản công		x

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
16	1.005427.000.00.00.H47	Quyết định tiêu hủy tài sản công	Quản lý tài sản công	2	x
17	1.005428.000.00.00.H47	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Quản lý tài sản công	2	x
18	1.005432.000.00.00.H47	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	Quản lý tài sản công	2	x
19	1.005433.000.00.00.H47	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	Quản lý tài sản công	2	x
20	1.006218.000.00.00.H47	Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước.	Quản lý tài sản công	2	x
21	1.006219.000.00.00.H47	Chi thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên	Quản lý tài sản công	2	x
22	1.006220.000.00.00.H47	Thủ tục thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu	Quản lý tài sản công	2	x

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
23	1.007614.000.00.00.H47	Lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá	Quản lý tài sản công	2	x
24	1.006241.000.00.00.H47	Quyết định giá thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Quản lý Giá	2	x
25	2.002217.000.00.00.H47	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh	Quản lý Giá		x
26	2.002206.000.00.00.H47	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Quản lý ngân sách nhà nước		x
27	1.007623.000.00.00.H47	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp	2	x
Tổng					27